

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC – HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ..... /QĐ-TĐHHN, ngày ... tháng ... năm ..  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

**Hà Nội, năm 2020**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-TĐHHN, ngày ..... tháng ..... năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

## **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo	
+ Tiếng Việt:	<b>Ngôn Ngữ Anh</b>
+ Tiếng Anh:	<b>English Studies</b>
- Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
- Thời gian đào tạo:	<b>04 năm</b>
- Loại hình đào tạo:	<b>Chính quy</b>
- Mã số:	<b>7220201</b>
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp	
+ Tiếng Việt:	<b>Cử nhân Ngôn ngữ Anh</b>
+ Tiếng Anh:	<b>Bachelor of Arts in English studies</b>

### **1.2. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có chất lượng tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ 5 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu), có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, quản trị văn phòng, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ, biên dịch các sản phẩm báo chí và tham gia các hoạt động báo chí - truyền thông, có thể đảm đương các công việc đối ngoại và hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học phù hợp tại các Bộ, Ban, Ngành trung ương, địa phương, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp.

Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập, có đủ khả năng dự tuyển để học các bậc học sau đại học cùng chuyên ngành, ngành, nhóm ngành, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

#### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **❖ Về kiến thức**

**- Kiến thức chung:**

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, cử nhân Ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể nắm bắt và áp dụng được những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, phát âm đúng tiếng Anh; nắm vững những vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa. Sinh viên cũng được trang bị những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp tiếng Anh, Diễn ngôn tiếng Anh, vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.

**- Kiến thức cơ sở và chuyên môn:**

Sử dụng tiếng Anh thành thạo (tương đương trình độ C1, Khung tham chiếu Châu Âu, Bậc 5/6 của Khung năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc tương đương 6.5 IELTS quốc tế và các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương khác như TOEIC, TOEFL iBT) ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là các kỹ năng nghe, đọc, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo, bình luận về các tin tức, sự kiện, công trình nghiên cứu về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Nắm vững lý thuyết tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, âm vị học, ngữ dụng học, lý thuyết biên, phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh.

Có những kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, tôn giáo của các quốc gia nói tiếng Anh, đặc biệt là Anh, Mỹ và các quốc gia khác có vai trò và vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế.

Có khả năng làm phiên dịch (ở trình độ trung cấp) cho các cuộc tiếp xúc, hội thảo của cơ quan hoặc biên dịch các tài liệu về các vấn đề liên quan đến chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật pháp quốc tế.

**❖ Về kỹ năng**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có kỹ năng sau:

- Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có *kỹ năng phân tích tổng hợp, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng cơ bản*: có thể vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo. Sinh viên có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng,

kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

- Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có *kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm*: có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc, biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau.
- Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), biên dịch, phiên dịch, có tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề để hoàn thành nhiệm vụ nghề nghiệp; có các năng lực và kỹ năng khác cần thiết để làm việc và phát triển trong môi trường hội nhập như *kỹ năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả*: thuyết phục, đàm phán, năng lực quản lý và năng lực tự học. Sinh viên có thể sử dụng tốt tiếng Anh ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có thể vận dụng các kiến thức về Ngữ âm, Ngữ pháp và Từ vựng trong hoạt động thuộc định hướng đào tạo và nghiên cứu.

#### ❖ Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;
- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; có lòng tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;
- Năng động, nhạy bén và sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn, làm việc có kỷ luật và năng suất cao;
- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong nhiệm vụ biên-phiên dịch, trung thành với văn bản (nói/viết) nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn;
- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch; có thái độ đúng và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên-phiên dịch; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
- Có khả năng quản lý thời gian, có kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;

- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Anh;
- Có khả năng phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập tiếng Anh, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;
- Tích cực, tự giác trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được đảm nhận; có thái độ hành nghề đúng đắn, nghiêm túc, đúng chuẩn mực pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
- Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.
- Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

### **1.3. Đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của BGDĐT và của Nhà trường.

### **1.4. Hình thức đào tạo**

Thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ (khối lượng toàn khóa:133 tín chỉ)

### **1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3473/QĐ-TĐHHN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

## **II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Kiến thức**

#### **2.1.1. Kiến thức đại cương**

Hiểu được các Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, kiến thức pháp luật và những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; hiểu được kiến thức cơ bản về ngoại ngữ thứ 2, tin học đại cương, làm nền tảng để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

### 2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

Hiểu được các kiến thức về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh: Biên dịch, phiên dịch, văn hóa-xã hội làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn nội dung thuộc phần kiến thức chuyên ngành.

### 2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

#### ❖ Kiến thức ngôn ngữ

Tích lũy được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, để phục vụ công tác thực tiễn cũng như để học các chương trình sau đại học ở trong và ngoài nước;

Vận dụng được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn hóa, văn học) để lý giải, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ;

Vận dụng được kiến thức nền tảng về ngành Ngôn ngữ Anh (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn hóa, văn học) vào kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ một cách thuần thục tương đương cấp độ 5 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương C1 theo khung CEFR.

#### ❖ Kiến thức văn hóa xã hội

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học:

- Tích lũy được kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa xã hội (địa lý, văn hóa, lịch sử, văn học, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật, giáo dục, y tế, ...) của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước trong khu vực Đông Nam Á;
- Phân tích đối chiếu được kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa xã hội (địa lý, văn hóa, lịch sử, văn học, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật, giáo dục, y tế, ...) của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước Đông Nam Á với Việt Nam;
- Vận dụng được kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, các nước Đông Nam Á vào các tình huống giao tiếp ngôn ngữ và để tránh được các sốc văn hóa.

#### ❖ Kiến thức chuyên ngành

Tích lũy được kiến thức về các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành tiếng Anh với tư cách là một ngoại ngữ và công cụ biên phiên dịch;

Sử dụng tiếng Anh thành thạo (tương đương trình độ C1, Khung tham chiếu Châu Âu, Bậc 5/6 của Khung năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đạt tương đương 6.5 IELTS quốc tế trở lên và các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương khác như TOEIC, TOEFL iBT) ở cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là các kỹ năng nghe, đọc, tổng hợp, phân tích, viết báo cáo, bình luận về các tin tức, sự kiện, công trình nghiên cứu về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Nắm vững lý thuyết tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, âm vị học, ngữ dụng học, lý thuyết biên, phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh.

Có những kiến thức nền tảng về đất nước, con người, văn hóa, tôn giáo của các quốc gia nói tiếng Anh, đặc biệt là Anh, Mỹ và các quốc gia khác có vai trò và vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế.

Có khả năng làm phiên dịch (ở trình độ trung cấp) cho các cuộc tiếp xúc, hội thảo của cơ quan hoặc biên dịch các tài liệu về các vấn đề liên quan đến quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật pháp quốc tế, các lĩnh vực hợp tác quốc tế, quản lý tài nguyên và môi trường.

#### **2.1.4. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp**

Thực hiện được các công việc sau: soạn thảo thành thạo các văn bản; biên dịch, phiên dịch trong các tổ chức kinh tế, cá nhân kinh doanh; Giải quyết được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ phát sinh trong thực tiễn; Phụ trách công tác hợp tác quốc tế hoặc là người biên, phiên dịch trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; các cơ quan nhà nước nói chung và các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường nói riêng. Đảm nhiệm công tác hợp tác quốc tế, xuất nhập khẩu, kinh doanh trong các doanh nghiệp, công tác quản lý hành chính với khác trong các cơ quan thuộc các cấp chính quyền địa phương.

#### **2.1.4. Kiến thức ngoại ngữ**

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học

- Đạt chuẩn đầu ra bậc 5 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương cấp độ C1 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ Anh.
- Đạt chuẩn đầu ra bậc 3 Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương A2 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ khác (Tiếng Trung) theo yêu cầu ngoại ngữ 2.

#### **2.1.6. Kiến thức tin học**

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

## **2.2. Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả;

- Kỹ năng thuyết trình hiệu quả;
- Kỹ năng biên phiên dịch;
- Kỹ năng đàm phán, tư duy phản biện, quản lý và lãnh đạo...;
- Kỹ năng phát hiện, tổng hợp, phân tích và giải quyết vấn đề, sự kiện liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ và quan hệ quốc tế trong các lĩnh vực;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm vi tính cơ bản như Windows, Power Point, Excel..
- Có khả năng áp dụng những kỹ năng này ở mức độ tương đối thuần thục trong các tình huống giao tiếp và chuyên môn công việc cụ thể.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc với tư duy logic, sáng tạo hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.
- Kỹ năng giao tiếp trình bày, truyền thông và sử dụng ngoại ngữ là tiếng anh.
- Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu, sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng.
- Kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Sáng tạo trong quản lý và tổ chức lãnh đạo trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và thực tập tốt nghiệp....
- Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; có lòng tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn;
- Năng động, nhạy bén và sáng tạo trong các hoạt động chuyên môn, làm việc có kỷ luật và năng suất cao;
- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong nhiệm vụ biên-phiên dịch, trung thành với văn bản (nói/viết) nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn;
- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch; có thái độ đúng đắn và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên-phiên dịch; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp;
- Có khả năng quản lý thời gian, có kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;
- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Anh;



- Có khả năng phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập tiếng Anh, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;
- Tích cực, tự giác trong việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được đảm nhận; có thái độ hành nghề đúng đắn, nghiêm túc, đúng chuẩn mực pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
- Xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học

### **III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA**

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **133** tín chỉ

### **IV. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.
- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

### **V. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

### **VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP**

- Công tác trong các doanh nghiệp trong nước có thông thương, hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp, cơ quan trong lĩnh vực du lịch –khách sạn, các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh.;
- Đảm nhận được công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ-văn hoá trong và ngoài nước sử dụng tiếng Anh;
- Đảm nhận được công việc tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại, phiên dịch hay biên dịch sử dụng tiếng Anh;
- Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp cao đẳng và đại học (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 7.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>133</b>
Trong đó:	
- <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b> (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	<b>31</b>
+ <i>Bắt buộc:</i>	(29)
+ <i>Tự chọn:</i>	(02)
- <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>90</b>
• Kiến thức cơ sở ngành	10
• Kiến thức ngành	80
+ <i>Bắt buộc:</i>	(77)
+ <i>Tự chọn:</i>	(3)
- <b>Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>

### 7.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>31</b>				
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>				
1	Triết học Mác-Lê nin	LCML2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	3	30	15	90	
2	Kinh tế Chính trị	LCML2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và phân tích được những	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Mác-Lênin		lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	20	10	60	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân	2	21	09	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.					
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.	2	21	09	60	
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>			<b>9/13</b>				
<b>I.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>			<b>7</b>				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng	2	18	12	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NNTA2106	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học. Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài. Viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.	3	25	20	90	
8	Pháp luật đại cương	LTPL2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích và so sánh	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			những kiến thức và vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung. Ngoài ra, có thể tìm kiếm, tra cứu các văn bản và các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.					
I.2.2	Tự chọn			<b>2/6</b>				
9	Phương pháp thuyết trình	NNTA2201	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được cấu trúc của một bài thuyết trình. Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng và kiến thức về cấu trúc câu sử dụng cho bài thuyết trình. Giải thích được mô hình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Xác định được các yếu tố tạo nên một bài thuyết trình hiệu quả.	2	6	24	60	
10	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	NNTA2202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các quá trình phỏng vấn, những điều lưu ý để buổi phỏng vấn mang lại kết quả tốt, những thủ thuật trả lời phỏng vấn. Có thể sử dụng những cấu trúc, từ vựng tiếng	2	10	20	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			Anh trong quá trình phỏng vấn. Vận dụng thực hành ngôn ngữ một cách tự nhiên, chuẩn xác trong các cuộc phỏng vấn.					
11	Kỹ năng tư duy phản biện	NNTA2203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng và phân tích một cách rõ ràng, minh bạch để phản biện, giải quyết vấn đề hợp lý, sáng tạo. Xác định vấn đề đưa ra công bằng để tranh luận, bày tỏ quan điểm với người khác. Phát triển các khả năng nhận diện vấn đề; phân tích, đánh giá thông tin một cách rõ ràng, minh bạch, khách quan. Thực hiện khả năng phản biện trong điều kiện văn hóa xã hội Việt Nam.	2	16	14	60	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>			<b>9</b>				
12	Tiếng Trung 1	NNTT 2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung để đọc một đoạn văn bản ngắn từ 80-100 từ.. Sinh viên có thể nói,	3	28	17	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			viết những câu đơn giản bằng tiếng trung và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung. Sử dụng các kiến thức đã học vào thực tế, giao tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Trung trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.					
13	Tiếng Trung 2	NNTT 2102	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội, thế giới ví dụ: kinh doanh, du lịch, thời trang, nghệ thuật, điện ảnh, giải trí....Đặc biệt sinh viên phải nắm chắc các thì và các thức của động từ để sử dụng linh hoạt trong ngôn ngữ giao tiếp của mình. Có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung ở trình độ sơ cấp.	3	28	17	90	
14	Tiếng Trung 3	NNTT 2103	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sử dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp về đời sống hằng ngày và các vấn đề trong xã hội. Đặc biệt	3	28	17	90	



TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			các kiến thức ngữ pháp về câu đơn, câu ghép và các thức, thì trong tiếng Trung ở mức độ cao hơn và phức tạp hơn. Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó bằng văn bản nói hay viết.					
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên – Tin học</b>			<b>2</b>				
15	Tin học đại cương	CTKH2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nêu các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.	2	19	11	60	
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	GDTC	Bao gồm 5 học phần bắt buộc và phần tự chọn: - Phần bắt buộc (3 tín chỉ): Thẻ dục Điền kinh 1 và Điền kinh 2. - Phần tự chọn: Sinh viên chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền 1, Bóng	<b>5</b>				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			chuyên 2; Cầu lông 1, Cầu lông 2; Bơi lội 1, Bơi lội 2; Bóng rổ 1, Bóng rổ 2.					
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng-an ninh</b>	GDQP	Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	<b>8</b>				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>							
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>10</b>				
II.1.1	<b>Bắt buộc</b>			8				
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể sử dụng từ ngữ, đặt câu, tạo lập và tiếp thu văn bản; nêu những lỗi sử dụng tiếng Việt thường mắc, thường gặp, và cách khắc phục những lỗi đó. Có khả năng phát hiện và sửa chữa các lỗi sử dụng tiếng Việt; làm việc theo nhóm, tự học và tự nghiên cứu.	3	18	27	90	
17	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA2302	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên miêu tả được từng âm vị trong tiếng Anh, một số các biến thể âm vị; xác định được cấu trúc của âm tiết;	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			miêu tả được bản chất của trọng âm trong tiếng Anh. Phân biệt được các loại nghĩa của từ vựng, mối liên hệ nghĩa của các đơn vị từ vựng và áp dụng được kiến thức về hình thái học để cấu tạo từ trong khi sử dụng tiếng Anh. Phân tích được cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp.					
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2303	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xác định được khách thể, đối tượng, mục đích nghiên cứu. Phân biệt phạm vi đối tượng cho các loại nghiên cứu với mục đích lý luận và thực tiễn cụ thể. Thực hành thao tác đối chiếu định hướng xác định để thu kết quả mong muốn, thiết thực.	3	18	27	90	
II.1.2	<i>Tự chọn</i>			2/4				
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCML2208	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Có khả năng	2	20	10	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu văn hóa Việt Nam; khả năng nhận thức và ứng xử văn hóa trong cuộc sống, lao động và học tập.					
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2401	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN. Nêu thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước. Vận dụng được các kiến thức đã có về các nước ASEAN và năng lực tiếng Anh vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.	2	9	21	60	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>80</b>				
II.2.1	Bắt buộc			77				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
21	Đọc - Viết 1	NNTA2501	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo bằng tiếng Anh. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu, trình bày được những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc, cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; trình bày được các bài đọc ngắn, đơn giản sử dụng những từ vựng xuất hiện với tần suất cao. Viết thư cá nhân, email đơn giản; viết các tin nhắn đơn giản; viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng những từ nói.	3	18	27	90	
22	Nghe – Nói 1	NNTA2502	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được cách phát âm đúng hệ thống phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh; hiểu biết về trọng âm trong các từ đa âm tiết và về ngữ điệu; nghe được những cụm từ, những cách diễn đạt	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			liên quan đến cuộc sống hàng ngày; giao tiếp một cách tương đối dễ dàng trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi, có thể cần đến sự giúp đỡ của người khác.					
23	Đọc - Viết 2	NNTA2503	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xử lý được phần lớn các tình huống xảy ra khi đến khu vực, đất nước có sử dụng tiếng Anh; viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Đọc hiểu các bài khóa đơn giản về các đề tài yêu thích hoặc liên quan đến chuyên môn; đọc lướt các văn bản dài để xác định thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hay từ nhiều văn bản khác nhau. Viết được bài miêu tả chi tiết về đề tài yêu thích, viết tường thuật về những trải nghiệm, miêu tả sự kiện.	4	20	40	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
24	Nghe – Nói 2	NNTA2504	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được các kiến thức cơ bản về ngữ điệu, trọng âm, âm mạnh và yếu của các từ thông dụng; giới thiệu được những nét đẹp chính của quê hương, đất nước Việt Nam, khu danh thắng, sự hiếu khách của người dân. Nghe và xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc; duy trì hợp lý và trôi chảy những bài miêu tả đơn giản về nhiều kiểu đề tài, giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân.	4	20	40	120	
25	Đọc - Viết 3	NNTA2505	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu. Viết được một thông báo, thư mời, thư quảng cáo, CV...Đọc và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau như thư từ, quảng cáo, thông báo, sách hướng dẫn. Viết được thư, email, hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện.					
26	Nghe – Nói 3	NNTA2506	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được tương đối chính xác các ý chính trong các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng phức tạp; nghe được một cách cơ bản các chương trình tài liệu trên đài phát thanh và truyền hình, các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời	4	16	44	120	



TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật; kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ tương đối trôi chảy, chính xác; trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau, sử dụng tương đối chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.					
27	Đọc - Viết 4	NNTA2507	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn một cách rõ ràng và đúng quy định. Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu để nói cũng như viết các văn bản chính thống. Đọc và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau; viết được thư, email,	4	16	44	120	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện, viết câu và đoạn theo văn phong của một bài báo cáo/ nghiên cứu khoa học.					
28	Nghe – Nói 4	NNTA2508	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.	4	16	44	120	
29	Đọc - Viết 5	NNTA2509	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể vận dụng ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết),	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			<p>chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ điểm: mua sắm, sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí. Có thể nêu và vận dụng các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng.</p>					
30	Nghe – Nói 5	NNTA2510	<p>Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, viết các văn bản sử dụng văn phong trang trọng; nghe và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài</p>	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			phát biểu trên phương tiện đại chúng có nội dung về các vấn đề xã hội.					
31	Ngữ pháp tiếng Anh 1	NNTA2512	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hệ thống khối kiến thức ngữ pháp cơ bản trong các chương trình tiếng Anh đã học; Sử dụng thành thạo và tự tin các hiện tượng ngữ pháp cơ bản và nâng cao, đặc biệt là trong nói và viết.	3	15	30	90	
32	Ngữ pháp tiếng Anh 2	NNTA2513	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu các hiện tượng ngữ pháp thường sử dụng; lý giải các hiện tượng ngữ pháp trong các câu văn. Hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ pháp tiếng Anh, kích lệ khả năng sáng tạo và nghiên cứu trong tiếng Anh của sinh viên thông qua các bài tập tự nghiên cứu đa dạng trong quá trình học.	3	21	24	90	
33	Ngữ âm – Âm vị học	NNTA2511	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các	3	20	25	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; chỉ ra các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại. Vận dụng kiến thức để cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình tự tin và hiệu quả hơn					
34	Lý thuyết dịch	NNTA2522	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được một số phương pháp dịch thuật khác nhau. Vận dụng được lí thuyết dịch căn bản vào các câu dịch và đoạn văn để có được các bài dịch tương đối hoàn thiện từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Liệt kê được các thể loại dịch văn bản. Biết cách vận dụng các phương pháp biên, phiên dịch.	2	15	15	60	
35	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	NNTA2520	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể đọc hiểu các bài báo, bài luận về chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh; thảo luận một số chủ đề	3	14	31	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			liên quan tới chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh; dịch được một văn bản có độ dài vừa phải về lĩnh vực kinh tế từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.					
36	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	NNTA2516	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành được cung cấp trong khoá học. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ môi trường hay gặp trong văn phong viết báo cáo chuyên ngành; có thể đọc hiểu được các văn bản chuyên ngành và ứng dụng kiến thức được học vào thực tiễn; có khả năng diễn đạt và trao đổi ý kiến thảo luận trong các buổi hội thảo chuyên ngành.	3	25	20	90	
37	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	NNTA2517	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong du lịch, có kỹ năng và ý thức vận dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào	3	25	20	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			phiên dịch, biên dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Du lịch. Có thể xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến vấn đề đã học.					
38	Đất nước học Anh Mỹ	NNTA2518	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các giai đoạn lịch sử của văn học Anh-Mỹ. Nhớ và nêu được tên các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn; phân tích và cảm nhận tác phẩm.	3	25	20	90	
39	Từ vựng học	NNTA2514	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ. Phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng. Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và	3	18	27	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.					
40	Văn học Anh - Mỹ	NNTA2515	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được lịch sử Anh – Mỹ cho từng giai đoạn. Vận dụng các kiến thức về lịch sử xã hội Anh-Mỹ đã học vào việc phân tích và cảm nhận tác phẩm. Thể hiện sự hiểu biết của mình về các tác phẩm và tác giả bằng cách tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích.	3	24	21	60	
41	Biên dịch	NNTA2523	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được khái niệm cơ bản trong biên dịch; chuyển đổi tài liệu dạng văn bản từ ngôn ngữ cần biên dịch này sang ngôn ngữ đích, bao gồm: vận dụng cấu trúc câu và các điểm ngữ pháp trong dịch thuật, dịch cụm từ cho đến câu phức hợp, áp dụng đảo ngữ và hình thức nhấn mạnh, biên dịch từ một đoạn văn	3	25	20	90	



TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ngắn cho đến cả một bài văn.					
42	Phiên dịch	NNTA2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên xây dựng kiến thức về các đặc ngữ, thành ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Vận dụng có hiệu quả cấu trúc tiếng Anh và tiếng Việt để dịch nói lưu loát và chính xác; Xử lý tốt áp lực về thời gian; Nghe, hiểu và nhận diện được các giọng đọc khác nhau của người bản ngữ.	3	25	20	90	
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	NNTA2525	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng dịch xuôi và dịch ngược các đoạn văn ngắn (từ 100 đến 250 từ) liên quan đến chuyên ngành hay những văn bản chuyên ngành có độ dài không quá lớn và nội dung không quá phức tạp. Vận dụng những kiến thức lý thuyết cơ bản của dịch thuật, các phương pháp dịch thuật và các cấu trúc ngữ pháp vào thực hành dịch. Nhận diện được những	3	11	34	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong các kiểu dịch Anh - Việt, Việt - Anh liên quan đến chuyên ngành.					
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	NNTA2526	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể dịch nói (dịch đuôi) được ở mức độ cơ bản giữa hai ngôn ngữ Anh - Việt, Việt - Anh những chủ đề mang tính chuyên ngành; có khả năng nghe và dịch xuôi hoặc dịch ngược bằng kỹ thuật decoding (giải mã) và paraphrasing (diễn đạt lại theo cách khác).	3	14	31	90	
	<i>Tự chọn</i>			3/18				
45	Tiếng Anh thư tín Thương mại	NNTA2601	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng các quy định quốc tế về trình bày văn bản đối ngoại để trình bày văn bản đối ngoại đúng quy cách; vận dụng các quy định quốc tế về trình bày thư tín thương mại để trình bày thư tín thương mại đúng	3	26	19	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			quy cách; sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp khi soạn thảo các loại văn bản bằng tiếng Anh.					
46	Phân tích diễn ngôn	NNTA2602	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu được các phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại. Phân tích thuần thực sự kết dính và mạch lạc của các câu trong một văn bản hay ngôn bản.	3	24	21	90	
47	Ngữ nghĩa học	NNTA2605	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nêu khái quát được hệ thống ngữ nghĩa tiếng Anh, quan hệ ngữ nghĩa của từ, câu, và phát ngôn. Vận dụng các loại ngữ nghĩa của từ và câu trong văn bản thực tế. Sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sinh động. Vận dụng được ngôn ngữ một cách hiệu quả trong giao tiếp; nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.	3	24	21	90	
48	Ngữ dụng học	NNTA2606	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên giải thích được một số khái niệm cơ bản như: hàm	3	16	29	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			ngôn, hành động lời nói, phân loại hành động lời nói, lịch sử. Viết phiên âm rộng, hẹp của các từ, các phát ngôn ngắn, xác định trọng âm trong phần lớn các từ đa âm tiết, dựa trên các qui luật chính được giới thiệu. Có thể phân tích cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp. Sử dụng các mối liên hệ ngữ nghĩa để giải thích các từ cơ bản trong tiếng Anh, phân tích hội thoại.					
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2603	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng tra cứu. Phân tích mối liên quan chặt chẽ biện chứng giữa văn hóa và ngôn ngữ, nghiên cứu các biểu hiện của văn hóa trong ngôn ngữ.	3	16	29	90	
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2604	Sau khi học xong môn học sinh viên có thể thuyết trình một chủ đề văn hóa có liên quan đến	3	15	30	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			hai quốc gia Anh- Mỹ; Đọc hiểu những tài liệu bằng tiếng Anh về văn hóa của Anh và Mỹ; trình bày nét cơ bản về lịch sử, đất nước, con người, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật của hai nước Anh và Mỹ.					
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>12</b>				
51	Thực tập tốt nghiệp	NNTA2701	Quá trình thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp; củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập; tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên.	<b>6</b>				
52	Khóa luận tốt nghiệp	NNTA2702	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành ngôn ngữ Anh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được giải pháp, kiến nghị phù hợp. Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm	<b>6</b>				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Tổng số TC	Số giờ TC			Ghi chú
					LT	TL, TH, TT	Tự học	
			chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về ngôn ngữ Anh. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.					
<b>II.4</b>	<b>Các môn thi thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>							
53	Phiên dịch + Biên dịch			<b>3</b>				
54	Ngữ pháp + Ngữ Âm			<b>3</b>				
<b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy</b>				<b>133/ 166</b>				

### 7.3. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>31</b>									
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>									
1	Triết học Mác-Lênin	LCML2101	3	3								
2	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	LCML2102	2		2							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	2			2						
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2			2						



STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>90</b>										
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>10</b>										
<i>II.1.1</i>	<i>Bắt buộc</i>		8										
16	Tiếng Việt thực hành	NNTA2301	3	3									
17	Dẫn luận ngôn ngữ	NNTA2302	2					2					
18	Ngôn ngữ học đối chiếu	NNTA2303	3				3						
<i>II.1.2</i>	<i>Tự chọn</i>		2										
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LCML2208	2		2								
20	Văn hóa các nước ASEAN	NNTA2401	2		2								
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>80</b>										
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>		77										
21	Đọc - Viết 1	NNTA2501	3	3									
22	Nghe – Nói 1	NNTA2502	3	3									
23	Đọc - Viết 2	NNTA2503	4		4								
24	Nghe – Nói 2	NNTA2504	4		4								
25	Đọc - Viết 3	NNTA2505	4			4							
26	Nghe – Nói 3	NNTA2506	4			4							
27	Đọc - Viết 4	NNTA2507	4				4						





STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
45	Tiếng Anh thư tín thương	NNTA2601	3						3		
46	Phân tích diễn ngôn	NNTA2602	3						3		
47	Ngữ nghĩa học	NNTA2605	3						3		
48	Ngữ dụng học	NNTA2606	3						3		
49	Giao tiếp liên văn hóa	NNTA2603	3						3		
50	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	NNTA2604	3						3		
<b>III.</b>	<b>Kiến thức thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>								
51	Thực tập tốt nghiệp	NNTA2701	6								6
52	Khóa luận tốt nghiệp	NNTA2702	6								6
	<b>Các môn thi thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>										
53	Phiên dịch + Biên dịch		3								
54	Ngữ Pháp + Ngữ Âm		3								
<b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy (**)</b>			<b>133</b>	<b>19</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>33</b>	<b>15</b>	<b>12</b>

Ghi chú (\*\*): không kể GDTC và GDQPAN

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);
- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.